

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Về việc giao điều chỉnh kế hoạch địa chất năm 2000
cho Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;
Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí điều tra cơ bản địa chất năm 2000 cho Bộ Công nghiệp;
Căn cứ Quyết định số 12/2000/QĐ-BCN ngày 13 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc giao kế hoạch địa chất năm 2000 cho Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản;
Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản tại công văn số 284 /CV-KH ngày 7/12/2000 về việc xin điều chỉnh kế hoạch địa chất năm 2000 cho Viện;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh kế hoạch địa chất năm 2000 cho Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản như phụ lục kèm theo.
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định 12/2000/QĐ-BCN ngày 13 tháng 3 năm 2000 của Bộ Công nghiệp;

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng thuộc Bộ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐỊA CHẤT NĂM 2000 CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

(Kèm theo quyết định số: 75/2000/QĐ-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2000)

I. NHIỆM VỤ ĐỊA CHẤT

Tổng số nhiệm vụ: 19 nhiệm vụ.

Trong đó:

Nhiệm vụ hoàn thành nộp lưu trữ: 01 nhiệm vụ.

Biên tập, xuất bản: 02 nhiệm vụ.

Nhiệm vụ mở mới: 03 nhiệm vụ.

Nhiệm vụ nghiên cứu địa chất hoàn thành nộp lưu trữ:

1. Nghiên cứu mô hình hóa các dị thường địa hóa chỉ thị quặng phục vụ công tác đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản ở Việt Nam.

Các nhiệm vụ tiếp tục thực hiện:

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu kiến tạo và sinh khoáng Bắc Bộ.
- Xây dựng, hiệu chỉnh định mức và đơn giá dự toán các công trình địa chất.
- Nghiên cứu thành phần vật chất các thành tạo magma Mezozoi-Kainozoi và các khoáng sản liên quan ở đới Đà Lạt.
- Nghiên cứu cổ sinh địa tầng và tương đá cổ địa lý các thành tạo trầm tích Devon thượng- Carbon hạ Bắc Việt Nam.
- Nghiên cứu thạch luận và sinh khoáng các thành tạo magma kiềm Miền Bắc Việt Nam.
- Xác lập các luận cứ khoa học, đánh giá định lượng, định hướng phát triển việc sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản Việt Nam đến năm 2020.
- Đánh giá tiềm năng vàng và các khoáng sản khác liên quan với các thành tạo đá lục, đá phiến sét ở Quảng Nam.
- Nghiên cứu đánh giá tiềm năng nguyên liệu Keramzit cho sản xuất vật liệu xây dựng nhẹ khu vực Đông Nam Bộ.
- Nghiên cứu khoan định các cấu trúc ẩn sâu có tiềm năng quặng mangan ở đới khâu Sông Mã trên cơ sở áp dụng tổ hợp các phương pháp hợp lý.
- Nghiên cứu đánh giá đặc điểm địa chất môi trường đới khô và bán khô từ Nha Trang đến Bình Thuận.
- Nghiên cứu đặc điểm thủy địa hóa nước dưới đất vùng ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ.

Nhiệm vụ điều tra cơ bản:

13. Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000 nhóm tờ Mường Tè.

Nhiệm vụ mở mới:

14. Trầm tích luận và tương đá cổ địa lý các thành tạo trầm tích màu đỏ tuổi Jura-Kreta và khoáng sản liên quan ở Miền Bắc Việt Nam.

15. Đánh giá tài biến địa chất ở các tỉnh miền Trung Việt Nam từ Quảng Bình đến Phú Yên, hiện trạng, nguyên nhân, dự báo và đề xuất biện pháp phòng tránh, giảm thiểu hậu quả.

16. Đánh giá tiềm năng và giá trị sử dụng một số khoáng chất công nghiệp (diatomit, bentonit, zeolit, kaolin...) vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên phục vụ công – nông nghiệp và xử lý môi trường.

Nhiệm vụ khác:

17. Biên tập từ điển địa chất Anh - Việt.

18. Biên tập xuất bản tập 7 Tuyển tập địa chất và khoáng sản.

19. Tăng cường năng lực nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản.

II. VỐN ĐẦU TƯ:

Tổng số: 7.377.043.000đ (Bảy tỉ, ba trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn đồng chẵn).

Bao gồm:

- Từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế địa chất: 6.070.450.000đ.

Trong đó: kinh phí chuyển từ năm 1999 sang: 141.450.000đ.

- Từ nguồn kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học: 1.306.593.000đ

III. DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT VÀ SẢN XUẤT KHÁC: 3.000.000.000đ

IV. CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

Bộ có thông báo riêng.

BỘ CÔNG NGHIỆP

phụ lục 2.

NHIỆM VỤ ĐỊA CHẤT CỤ THỂ

(Kèm theo quyết định số 75 /2000/QĐ-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2000)

Đ.v.tính: triệu đồng

TT	Tên đề tài (Chủ nhiệm)	Khởi công	Trình duyet	Nội lưu trữ	Dự toán ĐT được duyet	Giá trị đã thực hiện đến hết năm 99	Mục tiêu nhiệm vụ đề tài (đề án)	Nhiệm vụ kế hoạch năm 2000	Vốn SNNCKH (T1 + BH)	Vốn SNKTĐC	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=11+12
I	Bảo cáo trình duyệt, nội lưu trữ										
1	Nghiên cứu mô hình hóa các dị thường địa hóa chi thị quặng phục vụ công tác đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản ở Việt Nam. (PTS. Đỗ Văn Phi)	1997	1/2000	3/2000	1.774	1.382	- Hệ thống hóa và biểu diễn quá trình hình thành các dị thường địa hóa quặng bằng các mô hình cụ thể và trừu tượng. - Xây dựng các mô hình chuẩn trên những dữ liệu thực tế ở Việt Nam.	Bước V: (1-3/2000): Xét duyệt, sửa chữa, can in nội lưu trữ.	14,413	36,9	51,313
II	Nhiệm vụ nghiên cứu										

2	Nghiên cứu kiến tạo và sinh khoáng Bắc Bộ. (PGS.TSKH. Dương Đức Kiêm).	7/97	2001	12/2001	4.331	2.259	- Nghiên cứu kiến tạo và sinh khoáng trên quan điểm kiến tạo mảng. - Thành lập bản đồ kiến tạo và bản đồ sinh khoáng phần Bắc Bộ tỉ lệ 1/500.000 và 1/1.000.000.	Bước IV (1-12/2000): + Khảo sát địa chất và khoáng sản bổ sung đới Sông Đà, Sông Hiến- An Châu, Lô Gâm, Sông Mã, Sông Hồng. Thành lập mặt cắt địa chất địa vật lý vùng Thanh Hóa- Nam Định- Hải Phòng- Móng Cái. Khảo sát cổ từ đới Sông Hồng, Sông Đà. + Lấy và phân tích các loại mẫu. + Tổng hợp tài liệu, hoàn thành báo cáo bước và thành lập các bản đồ kiến tạo, sinh khoáng và dự báo (phác thảo lần 2) và các bản đồ chuyên hóa.	137,250	850,067	987,317
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=11+12
3	Xây dựng, hiệu chỉnh định mức và đơn giá dự toán các công trình địa chất (Nhiệm vụ thường xuyên) (KS Lê Văn Hợp)	1998						- Xây dựng hệ số điều chỉnh tiền lương trong đơn giá dự toán các công trình địa chất. - Xây dựng mới định mức và đơn giá cho các dạng công tác địa chất (theo quyết định của Bộ).	64,714	197,531	262,245
4	Nghiên cứu thành phần vật chất các thành tạo magma Mesozoi - Kainozoi và các khoáng sản liên quan ở đới Đà Lạt. (PGS.TS. Bùi Minh Tâm).	1998	9/2001	12/2001	1.797	499	* Nghiên cứu sâu về thạch luận nguồn gốc theo hướng định lượng các thành tạo magma MZ-KZ trong đới Đà Lạt. * Phân chia các kiểu magma đặc trưng (kiểu thạch luận, kiểu kiến tạo) làm sáng tỏ lịch sử tiến hóa magma MZ-KZ đới Đà Lạt. * Xác lập mối quan hệ về nguồn gốc của các thành	Bước III (1-12/2000): + Nghiên cứu chi tiết bổ sung theo các mặt cắt chuẩn, khối chuẩn, thu thập các dạng mẫu phân tích định lượng để chứng minh tính đồng magma của các thành tạo xâm nhập Ankroet và phun trào Đơn Dương. + Nghiên cứu chi tiết, thu thập các dạng mẫu bổ sung cho tổ hợp magma phun trào- xâm nhập vùng Vũng Tàu - Côn Đảo. + Nghiên cứu thành phần vật chất điểm quặng	113,028	359,997	473,025

							tạo magma MZ-KZ đới Đà Lạt với các khoáng sản chủ yếu là Sn, W, Cu, Au., * Đánh giá tiềm năng và phân vùng triển vọng khoáng sản.	thiếu bắc Đà Lạt, điểm quặng vàng Trà Nặng và mối liên quan với magma. + Tổng hợp tài liệu, lập báo cáo bước III: Thành phần vật chất các thành tạo magma Mz - Kz và khoáng sản liên quan vùng Lâm Đồng Vũng Tàu Côn Đảo.			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=11+12
5	Nghiên cứu cổ sinh địa tầng và tướng đá cổ địa lý các thành tạo trầm tích Devon thượng – Cacbon hạ Bắc Việt Nam. (TS. Phạm Kim Ngân)	1998	9/2001	12/2001	1.639	588	* Xác định các phân vị địa tầng D3-C1 trên cơ sở qui phạm địa tầng mới. * Xác định hoàn cảnh cổ địa lý tướng đá. * Xác định tiền đề địa tầng cho các khoáng sản có liên quan.	Bước III (1-12/2000): + Đo vẽ chi tiết các mặt cắt chuẩn của các hệ tầng Bản Công, Tóc Tát, Lũng Nặm vùng Hà Giang Cao Bằng, hệ tầng Mỏ Nhài Tân Lập vùng Lạng Sơn, hệ tầng Bản Cải Đa Niêng, Đá Mài vùng Sơn La và Yên Bái, hệ tầng Phúc Sơn Nông Công vùng Thanh Hóa. + Lấy và phân tích các loại mẫu cổ sinh vật và thành phần vật chất. Nghiên cứu quan hệ địa chất, trầm tích, các dấu hiệu tướng đá cổ địa lý ở các mặt cắt nêu trên. + Báo cáo bước III: Phân chia địa tầng các trầm tích D3- C1 ở các vùng Hà Giang, Cao Bằng, Lạng	160,986	377,262	538,248

								Son, Sơn La, Yên Bái, Thanh Hóa. + Báo cáo tham quan mặt cắt D3-C1 tại vùng Quảng Tây Trung Quốc.			
6	Nghiên cứu thạch luận và sinh khoáng các thành tạo magma kiềm Miền Bắc Việt Nam. (TS. Nguyễn Trung Chí).	1998	9/2001	12/2001	1.515	355	* Nghiên cứu thạch luận hiện đại các magma kiềm miền bắc Việt Nam. * Nghiên cứu sinh khoáng của các thành tạo đá kiềm gồm đá quý, xạ hiếm, fluorit, đa kim Co, Mo., * Khoanh vùng triển vọng khoáng sản.	Bước III (1-12/2000): + Khảo sát thực địa các thành tạo đá kiềm vùng Tây Bắc (Nậm Xe - Tam Đường, Mường Hum, thượng lưu Sông Đà). + Lấy và phân tích các loại mẫu. Thu thập tổng hợp tài liệu. Hoàn thành báo cáo bước III: Đặc điểm các thành tạo magma kiềm vùng Tây Bắc và khoáng sản liên quan.	85,194	300,035	385,229
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=11+12
7	Xác lập các luận cứ khoa học đánh giá định lượng, định hướng phát triển việc sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản Việt Nam đến năm 2020 (TS. Nguyễn Linh Ngọc)	1998	9/2001	12/2001	1.363	514	* Phân loại khoáng sản, phân cấp tài nguyên trữ lượng khoáng sản Việt Nam. * Đánh giá tài nguyên khoáng sản, địa chất kinh tế Việt Nam trọng tâm là kim loại cơ bản, kim loại nhẹ, năng lượng (than), phân bón, hóa chất (apatit, fluorit), nguyên liệu xi măng, đá ốp lát. * Xây dựng các luận cứ khoa học về định lượng phát	Bước III (1-12/2000): +Bổ sung, tổng hợp, xử lý tài liệu điều tra khoáng sản và nước ngầm vùng Trung Bộ. Xây dựng chương trình quản lý cơ sở dữ liệu, xác lập các tiêu chuẩn đánh giá tài nguyên, kinh tế cho nhóm khoáng sản kim loại nhẹ. Lấy và phân tích kiểm tra nước ngầm vùng Trung Bộ. + Hoàn thành báo cáo bước III. Báo cáo tổng hợp cho khoáng sản nhóm kim loại cơ bản.	109,363	369,111	478,474